

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ninh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thành

2. Ông Nguyễn Việt Tú

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Phú- Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Khu D 1, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 2001

Nơi ĐKKHKT: Khu D 1, xã H, huyện C, Phú Thọ

Chỗ ở hiện tại: Khu xóm Trong, xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Văn L trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 09/5/2019, tự

nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ anh tại khu D 1, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn (khoảng vài tháng) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và làm ăn kinh tế nên thường tranh cãi bất hòa với nhau. Tuy đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không khắc phục được. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 9 năm 2019 anh và chị T đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị xác định về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cũng như lời trình bày của anh L. Nay anh L xin ly hôn thì chị hoàn toàn nhất trí vì tình cảm không còn.

Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung là cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 12/11/2018, hiện nay cháu đang học lớp 3 tuổi D trường mầm non và ở cùng anh L. Ly hôn, hai bên đều xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh L và chị T thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị T.

+ Về con chung: Giao con chung là Đỗ Duy A, sinh ngày 12/11/2018 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Bị đơn là chị Nguyễn Thị T cư trú tại khu Do Lục 1, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh L và chị T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã H, bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N và lời trình bày của các đương sự cho thấy vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn (khoảng vài tháng) thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L và chị T không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống trong cuộc sống dẫn đến tranh cãi bất hoà, và đã sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay, chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã N sinh sống, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài thêm việc anh L yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy anh L có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định và lối sống lành mạnh. Trong thực tế, con chung hiện tại ở cùng anh L và bố mẹ đẻ anh L, được bố mẹ anh L hỗ trợ chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện và ổn định của con chung, cần giao con

chung cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh L không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh Đỗ Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đỗ Duy A, sinh ngày 12/11/2018 anh Đỗ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh L không yêu cầu.

2.2. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007656 ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã H;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ninh Thị Hồng